

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18/01/2017

Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Lê Nam Hải,
- *Hội thẩm nhân dân:* 1. bà Vũ Ngọc Lan,
2. ông Nguyễn Thanh Tùng.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2017 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 585/2016/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2016, về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 645/2016/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2016 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2016/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2016, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà **Tô Thảo L**, sinh năm: X; địa chỉ: C, Phường E, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Đ, Phường X, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn:* ông **Hàng Quang B**, sinh năm: X, địa chỉ: C, Phường E, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Đ, Phường X, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY:

Theo đơn yêu cầu ly hôn và lời khai của các bên đương sự tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Tô Thảo L và bị đơn ông Hàng Quang B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn hợp pháp. Trong thời gian chung sống, nguyên đơn và bị đơn có hai con chung là: Hàng Trường X, nam, sinh ngày 26/7/2007 và Hàng Gia A, nữ, sinh ngày 25/11/2012.

Sau khi đăng ký kết hôn, nguyên đơn và bị đơn chung sống, quan hệ vợ chồng chỉ hạnh phúc trong thời gian ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn và bất đồng ý kiến trên nhiều lĩnh vực. Nay nguyên đơn tự nhận thấy cuộc hôn nhân không đạt mục đích, xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết: được ly hôn với ông Hàng Quang B; đồng ý theo yêu cầu của ông B được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung chưa thành niên là trẻ: Hàng Trường X, nam, sinh ngày 26/7/2007 và Hàng Gia A, nữ, sinh ngày 25/11/2012; cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận giải quyết; tài sản chung và nợ chung: không có.

* Đối với bị đơn ông Hàng Quang B, Tòa án lấy lời khai, ông B không đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ quan hệ vợ - chồng; tuy nhiên Tòa án đã tổ chức hai phiên họp về chứng cứ, hòa giải nhưng ông B đều vắng mặt không lý do; đồng thời ông B nêu yêu cầu: nếu Tòa án xử ly hôn thì yêu cầu giao hai con chung cho ông B nuôi dưỡng, giáo dục, cấp dưỡng tự thỏa thuận giải quyết; không có tài sản chung, nợ chung.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt các loại văn bản tố tụng để ông B đến Tòa án làm việc, tham gia hai phiên họp hòa giải, hai phiên tòa xét xử... nhưng ông B đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên họp hòa giải đoàn tụ vào ngày 24 tháng 11 năm 2016, ngày 06 tháng 12 năm 2016 giữa các đương sự, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, phát biểu ý kiến như sau: các bên đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; việc xác minh, thu thập chứng cứ, xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Tô Thảo L thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, bà Tô Thảo L và ông Hàng Quang B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Đ ngày 22/02/2008; hiện nay bị đơn cư trú tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn trong vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vụ án này đã được Tòa án đưa ra xét xử lần thứ nhất vào lúc 08 giờ ngày 30/12/2016 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 645/2016/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2016. Tại phiên tòa mở lần thứ nhất, bị đơn ông Hàng Quang B vắng mặt không lý do nên Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định thời gian xét xử đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 165/QĐ-HPT ngày 30 tháng 12 năm 2016, vào lúc 14 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2017. Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng để bị đơn ông Hàng Quang B tham gia phiên tòa, nhưng ông B đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo nội dung quyết định số 01/QĐ/VKS ngày 16 tháng 12 năm 2016.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà Tô Thảo L và ông Hàng Quang B có quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo trình bày của nguyên đơn thì hôn nhân chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt.

Hội đồng xét xử xét, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ - chồng giữa nguyên đơn và bị đơn, theo trình bày của nguyên đơn thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra. Theo nguyên đơn thì do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây cãi nhau; còn theo bị đơn thì mâu thuẫn chính là nguyên đơn không có trách nhiệm với vợ, con; thường xuyên ăn nhậu sáng đêm mới về rồi gây gổ nhau, vì do nguyên đơn làm tiếp thị bia rượu ở các quán nhậu. Như vậy, theo trình bày của hai bên đương sự thì mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật, thường xuyên xảy ra và ngày càng căng thẳng, hiện nay hai bên đã ly thân không còn cùng chung sống một nhà, hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Bị đơn trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2016, do Tòa án lập, như sau: trường hợp Tòa án xử ly hôn, ông B yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con; không có tài sản chung, không có nợ chung.

Về yêu cầu hòa giải đoàn tụ của ông B, Tòa án đã tổ chức hai phiên họp hòa giải đoàn tụ vào các ngày 24 tháng 11 năm 2016, ngày 06 tháng 12 năm 2016, nhưng ông B đều vắng mặt; thể hiện ông B không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, trong quá trình chung sống vợ chồng, giữa ông B và bà L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L xác định hiện không còn tình cảm vợ - chồng với ông B; do vậy trường hợp của bà L và ông B được ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: căn cứ lời khai thống nhất của bà Tô Thảo L, ông Hàng Quang B, cùng với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được Tòa án thu thập, thể hiện, trong quá trình chung sống, giữa bà L và ông B có hai con chung là trẻ: Hàng Trường X, nam, sinh ngày 26/7/2007 và Hàng Gia A, nữ, sinh ngày 25/11/2012.

Ông Hàng Quang B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục hai con chung, không yêu cầu bà Tô Thảo L cấp dưỡng nuôi con chung; bà L cũng đồng ý giao hai con

chung cho ông B nuôi dưỡng; Hội đồng xét xử xét, đây là sự tự nguyện của các bên đương sự về nuôi con chung, nên ghi nhận.

Về việc thăm nom con chung, ông B phải tạo mọi điều kiện để bà L thăm nom con và việc bà L thăm nom con cũng không được ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường và học tập của trẻ; trường hợp có sự thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ thì ông B phải có nghĩa vụ thông báo cho bà L biết.

Về tài sản chung và về nợ chung: bà Tô Thảo L và ông Hàng Quang B tự khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 200.000 đồng: bà Tô Thảo L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng do bà Tô Thảo L đã tạm nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 189; điểm b khoản 2 Điều 227; các Điều 233, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 68, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Tô Thảo L.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Tô Thảo L được ly hôn với ông Hàng Quang B.
2. Về quan hệ con chung: bà Tô Thảo L và ông Hàng Quang B có hai con chung là trẻ: Hàng Trường X, nam, sinh ngày 26/7/2007 và Hàng Gia A, nữ, sinh ngày 25/11/2012.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Tô Thảo L và ông Hàng Quang B: giao ông Hàng Quang B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là trẻ: Hàng Trường X, nam, sinh ngày 26/7/2007 và Hàng Gia A, nữ, sinh ngày 25/11/2012, cho đến khi hai trẻ X, A lần lượt thành niên.

Cấp dưỡng nuôi hai con chung hai bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

Trường hợp có sự thay đổi về nơi cư trú, học tập của con chung, hai bên đương sự phải có nghĩa vụ thông báo cho nhau biết.

3. Về tài sản chung và về nợ chung: bà Tô Thảo L và ông Hàng Quang B tự khai không có, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), bà Tô Thảo L phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà Tô Thảo L đã tạm nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

AD/2014/0003737, ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: bà Tô Thảo L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông Hàng Quang B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết.

6. Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Đ ngày 22/02/2008, không còn giá trị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Ủy ban nhân dân xã M, Huyện T, Tỉnh Đ (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nam Hải